

BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

Chủ biên:

GS.TS. Nguyễn Công Khanh

PGS.TS. Lê Thanh Hải

HƯỚNG DẪN

CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ BỆNH TRẺ EM

(Tái bản lần thứ hai, có sửa chữa và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

HÀ NỘI - 2015

LỜI NÓI ĐẦU

Chất lượng chăm sóc bệnh nhân phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng chẩn đoán, điều trị. Đối với mỗi bệnh viện, có được một phương pháp kỹ thuật tiến bộ, cập nhật thống nhất là hết sức quan trọng và là truyền thống. Bệnh viện Nhi Trung ương là một tuyến khám, chữa bệnh cao cho trẻ em, do đó việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong tiếp cận bệnh nhân lại quan trọng hơn.

Để góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, Bệnh viện Nhi Trung ương biên soạn cuốn sách ***Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em***. Nội dung cuốn sách bao gồm những bệnh thường gặp và cấp cứu ở trẻ em, được sắp xếp theo chuyên khoa. Các bài do tập thể các giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa viết. Kỹ thuật chẩn đoán, điều trị ngày càng tiến bộ, các bài viết cố gắng cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật, song cũng vận dụng cho thích hợp thực tiễn hiện nay.

Sau lần xuất bản đầu tiên năm 2003, và lần thứ hai năm 2006 được nhiều độc giả hoan nghênh và yêu cầu tái bản. Tái bản lần này chúng tôi có sửa chữa và bổ sung để cập nhật hơn. Mong tiếp tục nhận được sự góp ý của độc giả, cán bộ trong ngành.

Xin cảm ơn sự cộng tác của các tác giả và Nhà xuất bản Y học.

TM. Ban biên soạn

GS.TS. NGUYỄN CÔNG KHANH

BAN BIÊN SOẠN
HƯỚNG DẪN CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ BỆNH TRẺ EM

CHỦ BIÊN

GS.TS. Nguyễn Công Khanh

PGS.TS. Lê Thanh Hải

BAN BIÊN SOẠN

GS.TS. Nguyễn Công Khanh

GS.TS. Nguyễn Thanh Liêm

PGS.TS. Lê Thanh Hải

BS. Nguyễn Văn Lộc

GS.TS. Nguyễn Thu Nhận

GS.TSKH. Lê Nam Trà

THƯ KÝ BIÊN SOẠN

BS. Vũ Văn Hậu

DANH SÁCH CÁC CỘNG TÁC VIÊN THAM GIA BIÊN SOẠN
HƯỚNG DẪN CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ BỆNH TRẺ EM

1. PGS.TS. Phạm Nhật An
2. BSCK II. Trần Liên Anh
3. BSCK I. Nguyễn Thành Công
4. PGS.TS. Khu Khánh Dung
5. BSCK I. Lê Anh Dũng
6. BS. Trịnh Quang Dũng
7. TS. Vũ Chí Dũng
8. ThS. Lê Ngọc Duy
9. PGS.TS. Nguyễn Phú Đạt
10. BS. Nguyễn Thị Hương Giang
11. BS. Đỗ Bích Hằng
12. BSCK II. Đỗ Mai Hương
13. ThS. Nguyễn Thị Mai Hương
14. PGS.TS. Hồ Sĩ Hà
15. TS. Trần Thị Thu Hà
16. ThS. Trần Thu Hà
17. PGS.TS. Lê Thanh Hải
18. TS. Nguyễn Thanh Hải
19. ThS. Lê Hồng Hanh
20. BS. Lê Thị Hay
21. TS. Bùi Đức Hậu
22. TS. Trần Đức Hậu
23. BS. Vũ Văn Hậu
24. TS. Phan Thị Hiền
25. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hưng
26. TS. Nguyễn Phạm Ánh Hoa

27. PGS.TS. Phạm Hữu Hoà
28. BSCK II. Tạ Thu Hoà
29. PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàn
30. TS. Bùi Vũ Huy
31. TS. Trương Mai Hồng
32. GS.TS. Nguyễn Gia Khánh
33. GS.TS. Nguyễn Công Khanh
34. TS. Bùi Ngọc Lan
35. TS. Lê Ngọc Lan
36. TS. Phùng Tuyết Lan
37. BSCK I. Nguyễn Văn Lộc
38. GS.TS. Nguyễn Thanh Liêm
39. GS.TS. Trần Đình Long
40. TS. Nguyễn Thị Thanh Mai
41. BSCK II. Quách Thúy Minh
42. ThS. Nguyễn Hoàng Nam
43. BSCK II. Nguyễn Kim Nga
44. BSCK II. Nguyễn Thu Nguyệt
45. BSCK II. Lê Tố Như
46. GS.TS. Nguyễn Thu Nhạn
47. BS. Nguyễn Quang Ứng
48. PGS.TS. Ninh Thị Ứng
49. PGS.TS. Nguyễn Thị Phượng
50. BSCK I. Nguyễn Thị Phúc
51. BSCK II. Trần Văn Quang
52. ThS. Lương Thị San
53. BSCK II. Phạm Thị Sửu
54. BSCK I. Nguyễn Danh Tình
55. TS. Bùi Phương Thảo
56. ThS. Lê Nam Thắng

57. PGS.TS. Phạm Văn Thắng
58. ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy
59. TS. Lưu Mỹ Thục
60. BS. Nguyễn Thu Thủy
61. BS. Đặng Hanh Tiệp
62. TS. Hoàng Cẩm Tú
63. ThS. Nguyễn Văn Tú
64. GS.TSKH. Lê Nam Trà
65. TS. Trần Kinh Trang
66. BS. Nguyễn Văn Trường
67. PGS.TS. Đào Minh Tuấn
68. BS. Dương Quang Tuấn
69. BS. Hồ Bích Vân
70. TS. Tạ Khánh Vân
71. TS. Đặng Thị Hải Vân
72. PGS.TS. Bùi Văn Viên
73. BSCK II. Lê Tiến Vinh
74. ThS. Trương Thúy Vinh
75. ThS. Vũ Công Vinh
76. ThS. Ngô Anh Vinh
77. PGS. Cao Quốc Việt
78. BSCK I. Nguyễn Quốc Việt
79. BSCK I. Trịnh Văn Việt
80. ThS. Nguyễn Thị Yến (A)
81. PGS.TS. Nguyễn Thị Yến (B)

Chương 1

BỆNH LÝ SƠ SINH

SƠ SINH NON THÁNG

Sơ sinh non tháng là những trẻ sinh ra < 37 tuần thai.

1. CHẨN ĐOÁN

1.1. Hỏi kỳ kinh cuối của mẹ

1.2. Khám lâm sàng

Đánh giá tuổi thai theo thang điểm.

Đánh giá cân nặng - tuổi thai xem có suy dinh dưỡng (SDD) thai.

Đánh giá biểu hiện các yếu tố nguy cơ:

- Hạ đường máu.
- Hạ thân nhiệt.
- Nhiễm trùng.
- Suy hô hấp.

1.3. Xét nghiệm

CTM, hematocrit.

Đường máu và calci máu.

ĐGD khi có nuôi dưỡng tĩnh mạch Xquang phổi.

CRP khi nghi ngờ nhiễm trùng.

Siêu âm não.

1.4. Chẩn đoán

- Tuổi thai.
- Suy dinh dưỡng thai.
- Bệnh kèm theo: vàng da, nhiễm trùng, dị tật bẩm sinh....

2. ĐIỀU TRỊ

2.1. Ổn định các yếu tố nguy cơ

– Kiểm soát thân nhiệt ít nhất ngày 2 lần. Nếu bệnh nhân hạ nhiệt độ phải ủ ấm tích cực bằng mọi cách đến khi nhiệt độ trở lại bình thường.

– Hạn chế nhiễm trùng:

– Rửa tay trước và sau khi khám, chăm sóc bệnh nhân. Chú ý tác nhân gây bệnh trong môi trường bệnh viện: tụ cầu, Pseudomonas, Klebsiella....

– Dinh dưỡng: đảm bảo 120-140kcal/kg/ngày giúp tăng cân đạt 15g/kg/ngày.

+ Nuôi tĩnh mạch:

Cho trẻ quá non < 1000g

Trẻ suy thở nặng

Dị tật tiêu hoá...

Nuôi đường miệng là phương pháp sinh lý nhất, nếu phải nuôi tĩnh mạch cần sớm chuyển qua đường miệng khi có thể.

Sữa mẹ giảm nguy cơ viêm ruột hoại tử ở trẻ đẻ non. Khi không có sữa mẹ nên dùng sữa dành cho trẻ đẻ non.

Cách cho sữa dựa theo cân nặng và tuổi thai

Tuổi thai (tuần)		< 32	32 - 35	> 36
Cân nặng (gam)		<1500	1500 - 2000	2000 - 2500
Số bữa/ngày		12	10	8
Cách cho ăn	Nhỏ giọt dạ dày	+	+	
	Bú mẹ		BM + đồ thìa	+

+ Ăn qua sonde:

Cho trẻ sau giai đoạn từ nuôi đường tĩnh mạch sang đường miệng.

Suy hô hấp.

Trẻ li bì, phản xạ quá yếu.

Lưu ý: Hút dịch dạ dày trước mỗi bữa ăn, nếu ứ đọng > 2% gợi ý kém hấp thu, liệt ruột, nhiễm trùng.